

Ex:

- **Although** the weather was very bad, we had a wonderful holiday.

(Mặc dù thời tiết rất tệ, chúng tôi vẫn có một kì nghỉ tuyệt vời)

- **Though** we lack financial backup, we still continue to carry out this task.

(Mặc dù chúng tôi thiếu sự hỗ trợ tài chính, chúng tôi vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này)

- You should try to treat her with kindness **even though** you don't like her.

(Bạn nên đối tốt với cô ấy, dù cho bạn không thích cô ấy)

- **Despite the fact that** he did not always listen to lectures, he still achieved high marks in the exam. (Mặc dù anh ấy không luôn lắng nghe bài giảng, anh ấy vẫn đạt điểm cao trong kỳ thi)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1) Mặc dù hai công ty đàm phán trong hai năm, họ không thể làm mới hợp đồng đó.

- negotiate (i) đàm phán

- contract (c) hợp đồng

- renew (t) làm mới

2) Mặc dù địa phương này đã đầu tư vào xử lý chất thải, chất thải rắn vẫn đang đe dọa môi trường tự nhiên ở đây.

- locality (c) địa phương

- solid waste (u) chất thải rắn

- invest (in) (i) đầu tư vào

- threaten (t) đe dọa

- waste treatment (u) xử lý nước thải

- natural (adj) tự nhiên

3) Cô ấy vẫn khẳng định rằng anh ta là thủ phạm, mặc dù không có chứng cứ xác thực.

- affirm (that) (t) khẳng định

- culprit (c) thủ phạm

- evidence = proof (u) chứng cứ

- conclusive (adj) xác thực

4) Mặc dù nhiều bạn trẻ đổ lỗi cho chocolate gây ra mụn trứng cá, không có bằng chứng khoa học nào để xác nhận sự liên quan này.

- blame sth/sb for (doing) sth: đổ lỗi cho
ai đó/cái gì đó làm gì

- scientific (adj) khoa học

- confirm (t) xác nhận

- acne (u) = pimple (c) mụn trứng cá

- relation (c) correlation: sự liên quan

5) Nhiều chủ thẻ vẫn trở thành nạn nhân của nạn ăn trộm thông tin cá nhân, mặc dù nhiều ngân hàng đã lắp đặt camera an ninh ở những cây ATM.

- cardholder (c) chủ thẻ

- install (t) lắp đặt

- victim (c) nạn nhân

- security camera (c) camera an ninh

- identity theft (u) ăn cắp thông tin cá nhân

6) Mặc dù nhiều học sinh rất cứng đầu, đa số phụ huynh đều phản đối việc dùng hình phạt thể xác ở trong trường học.

- stubborn = headstrong (adj) cứng đầu

- corporal punishment (u) hình phạt thể xác

- oppose (t) = object (to) (i) phản đối

7) Thực tế chúng ta vẫn đang hủy hoại tầng ozone trong các hoạt động hằng ngày, mặc dù nhiều người đã bắt đầu thay đổi lối sống của họ.

- damage (t) hủy hoại

- lifestyle = way of living (c) lối sống

- ozone layer (c) tầng ozone
